

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DUNGUYEN PRODUCTION

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DUNGUYEN PRODUCTION

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUNGUYEN PRODUCTION SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110309489

3. Ngày thành lập: 04/04/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5, ngõ 119, ngách 61 đường Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977993538

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
2.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
3.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669
12.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động báo chí)	8230(Chính)

13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
14.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Trừ bar, vũ trường và karaoke)	9329
15.	Lập trình máy vi tính	6201
16.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
17.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	7310
18.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động thám tử)	7320
19.	Cho thuê xe có động cơ (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)	7710
20.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4690
21.	Sản xuất sợi	1311
22.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
23.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
24.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
25.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
26.	In ấn	1811
27.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
28.	Đúc sắt, thép	2431
29.	Đúc kim loại màu	2432
30.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
31.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
32.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
33.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
34.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
35.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
36.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
37.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
38.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
39.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
40.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
41.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
42.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774

43.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
44.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
45.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
46.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
47.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
48.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
49.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
50.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
51.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
52.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)	7730
53.	Đại lý du lịch	7911
54.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế	7912
55.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
56.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
57.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
58.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
59.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
60.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
61.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
62.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
63.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
64.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
65.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
66.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
67.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
68.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764

